

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 96a/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 19/12/2024.

V/v: “Ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE – TỈNH BẾN TRE

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trần Thị Kim Mỹ.
- Ông Hàn Nhựt Thái.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Diễm Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Trong ngày 19 tháng 12 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình đã thụ lý số: 379/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2024 về việc: “Ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/11/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 286/2024/QĐST-HNGĐ ngày 06/12/2024. Giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Võ Thị Bạch T, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số D, khu phố B, phường H, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Bà T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. **Bị đơn:** Ông Nguyễn Tấn H, sinh năm 1973 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số D, khu phố B, phường H, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 01/8/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Võ Thị Bạch T trình bày: Bà T và ông H do tự tìm hiểu quen biết nhau trước nên tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H1, thành phố B vào ngày 31/3/2005. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc khoảng thời gian đầu nhưng đến khoảng năm 2010 thì đã phát sinh rất nhiều mâu thuẫn mất hạnh phúc do vợ chồng không có tiếng nói chung, ông H có hành vi bạo lực gia đình, quan hệ ngoại tình. Nay do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông H để mỗi người có cuộc sống riêng. Về con chung: thời gian sống chung,

bà và ông H có với nhau 01 con chung là Nguyễn Võ Tuấn Đ, sinh ngày 02/5/2004. Con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: bà và ông H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: không có.

Bị đơn ông Nguyễn Tấn H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn bà Võ Thị Bạch T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Tấn H vắng mặt tại phiên tòa không có lý do dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà T và ông H là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: bà Võ Thị Bạch T và ông Nguyễn Tấn H trên cơ sở quen biết nhau trước nên cả hai tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H1, thành phố B vào ngày 31/3/2005. Xét thấy, hôn nhân của bà T và ông H đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật hôn nhân gia đình nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, bà T và ông H có thời gian sống hạnh phúc và có với nhau 01 con chung nhưng vì những mâu thuẫn trong cuộc sống gia đình mà đã dẫn đến việc bà T xin ly hôn. Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà T cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không có tiếng nói chung, ông H có hành vi bạo lực gia đình, quan hệ ngoại tình. Do đó, bà yêu cầu được ly hôn với ông H để mỗi người có cuộc sống riêng. Xét thấy, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành mời bà T và ông H đến Tòa án nhiều lần để tiến hành hòa giải hôn nhân của ông bà nhưng ông H vẫn vắng mặt không có lý do. Điều đó chứng tỏ ông H không có thiện chí hàn gắn, đoàn tụ vợ chồng với bà T. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy: bà T và ông H là vợ chồng nhưng ông bà không quan tâm, giúp đỡ nhau để tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt mà ông bà lại bỏ mặc nhau, không quan tâm chăm sóc cho nhau, hơn nữa theo bà T trình bày là ông H còn có hành vi bạo lực gia đình, quan hệ ngoại tình nên ông bà đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T là phù hợp.

[3] Về con chung: thời gian sống chung, bà T và ông H có với nhau 01 con chung là Nguyễn Võ Tuấn Đ, sinh ngày 02/5/2004. Xét thấy, các con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: bà T trình bày là bà và ông H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, ông H cũng không có văn bản trình bày ý kiến và đơn tranh chấp về chia tài sản khi ly hôn với bà T nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: bà T trình bày là không có. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, ông H cũng không có văn bản trình bày là ông và bà T có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: bà T phải chịu do bà T yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Võ Thị Bạch T. Bà Võ Thị Bạch T và ông Nguyễn Tấn H được ly hôn với nhau.

Về con chung: có 01 con chung là Nguyễn Võ Tuấn Đ, sinh ngày 02/5/2004 đã thành niên và có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: bà T và ông H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: bà T trình bày là không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: bà Võ Thị Bạch T phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005218 ngày 17/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre nên bà không còn phải nộp thêm.

Án phí sung vào công quỹ Nhà nước.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND TP Bến Tre;
- Chi cục THADS TP Bến Tre;
- UBND phường H, thành phố Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Đạt